

2 b6

18.18.01.01

UBND TỈNH NINH BÌNH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ



**ĐỊNH HƯỚNG  
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ  
GIAI ĐOẠN 2009-2020**



*Ninh Bình, tháng 6 năm 2009*



## MỞ ĐẦU

Sau hơn 20 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nhất là kể từ khi tái lập tỉnh đến nay, Ninh Bình đã từng bước khắc phục khó khăn, đoàn kết phấn đấu vươn lên giành được nhiều thành tựu quan trọng: Kinh tế tăng trưởng khá, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện, văn hoá-xã hội chuyển biến tích cực, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, sự nghiệp quốc phòng được củng cố... Ninh Bình đang từng bước vươn lên cùng cả nước. Tuy nhiên, Ninh Bình vẫn là một tỉnh có nền kinh tế chưa phát triển, thu nhập bình quân đầu người thấp. Một trong những nguyên nhân là do sự thiếu hụt về số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên môn, kỹ thuật. Vì thế, đào tạo nguồn nhân lực là một trong những khâu quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Để góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình cần thiết phải có một trường Đại học đa ngành.

Ngày 09 tháng 4 năm 2007, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 407/QĐ - TTg thành lập trường Đại học Hoa Lư trực thuộc UBND tỉnh Ninh Bình. Từ đây trên mảnh đất Cố đô giàu truyền thống hiếu học đã chính thức có trường Đại học, tạo điều kiện thuận lợi cho con em Ninh Bình và các vùng lân cận học tập nâng cao trình độ, đáp ứng nguyện vọng của cán bộ và nhân dân trong tỉnh.

Trường Đại học Hoa Lư có chức năng, nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Ninh Bình và các vùng lân cận. Sau hơn hai năm thành lập, được sự quan tâm giúp đỡ và chỉ đạo của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh và Bộ Giáo dục & Đào tạo, nhà trường từng bước ổn định, phát triển và đã thu được một số kết quả: Xây dựng bộ máy tổ chức, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ; Mở rộng qui mô, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học; Đầu tư, bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị.

Để xây dựng trường Đại học Hoa Lư thành một trường Đại học đa ngành, đa cấp, đa lĩnh vực; là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình, nhà trường xây dựng "Định hướng xây dựng và phát triển trường Đại học Hoa Lư giai đoạn 2009 - 2020" làm cơ sở để xác định mục tiêu, lộ trình, giải pháp xây dựng và phát triển.



**PHẦN THỨ NHẤT**  
**VÀI NÉT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI TỈNH NINH BÌNH**  
**VÀ THỰC TRẠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ**

**I. VÀI NÉT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH NINH BÌNH**

**1. Điều kiện tự nhiên.**

**1.1. Diện tích, vị trí địa lý.**

Ninh Bình có diện tích tự nhiên là 1.384,2 km<sup>2</sup>, là tỉnh nằm ở phía Nam đồng bằng Bắc bộ. Phía Bắc giáp với huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; phía Tây Bắc giáp với 2 huyện Yên Thủy và Lạc Thủy tỉnh Hòa Bình; phía Tây và Tây nam giáp với các huyện Thạch Thành, Hà Trung và Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; phía Đông Nam là Vịnh Bắc Bộ; phía Đông và Đông bắc giáp với 2 huyện Ý Yên và Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định.

Ninh Bình nằm trên trục giao thông huyết mạch Bắc- Nam, nối vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc (Trong đó có tam giác tăng trưởng kinh tế là Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh) với vùng duyên hải miền Trung và Tây Nguyên, nhất là với thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, Ninh Bình cũng là một trong những cửa ngõ giao lưu giữa các tỉnh phía Nam với vùng Tây Bắc có nhiều tiềm năng tài nguyên và phát triển du lịch.

**1.2. Các điều kiện tự nhiên khác.**

- Địa hình của tỉnh Ninh Bình rất đa dạng, vừa có đồi núi và nửa đồi núi, vừa có đồng bằng, vừa có vùng trũng và đồng bằng ven biển. Tính đa dạng, cấu tạo và phân bố phức tạp của địa hình, đã tạo ra cho Ninh Bình thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên đá vôi với trữ lượng hàng tỉ m<sup>3</sup>, suối nước nóng Kênh Gà, nguồn nước khoáng Cúc Phương và thế mạnh về du lịch với các danh lam, thắng cảnh nổi tiếng như: Tam Cốc- Bích Động, Rừng Quốc gia Cúc Phương, khu sinh thái Tràng An, Vân Long....

- Ninh Bình nằm trong vùng nhiệt đới, gió mùa chịu ảnh hưởng của khí hậu ven biển. Mùa đông thời tiết lạnh và khô. Mùa hạ nóng ẩm và mưa nhiều. Khí hậu, thủy văn của Ninh Bình nhìn chung thuận lợi, tạo điều kiện phát triển nền nông nghiệp đa dạng với nhiều loại cây trồng, phát triển công nghiệp và du lịch.

- Hệ thống giao thông của tỉnh Ninh Bình khá đa dạng và phong phú, bao gồm hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy, rất thuận tiện cho việc giao lưu thông thương Nam- Bắc, giữa Ninh Bình với các tỉnh khác trong cả nước và giữa các địa phương trong tỉnh. Hệ thống giao thông đường bộ khá hoàn chỉnh từ quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ và hệ thống đường liên thôn, liên xã. Tuyến đường sắt Bắc - Nam



chạy song song với Quốc lộ 1A. Giao thông đường thủy chạy quanh tỉnh, với hệ thống sông Đáy, sông Hoàng Long, Sông Lạng, Sông Vạc.

## **2. Dân số và lao động.**

Tính đến tháng 3/2009, dân số Ninh Bình là 936.260 người. Mật độ dân số trung bình là 674 người/km<sup>2</sup>. Dự báo dân số trong tỉnh sẽ tăng lên 950 nghìn người vào năm 2010 và hơn 1 triệu người vào năm 2020. Dân cư phân bố không đồng đều, chủ yếu sống tập trung ở vùng nông thôn và đô thị. Số dân trong độ tuổi lao động là 436,2 nghìn người, chiếm 49,8 %. Chất lượng nguồn lao động của Ninh Bình còn thấp, có tới gần 80% tỷ lệ lao động không có trình độ chuyên môn, kỹ thuật (chưa qua đào tạo); số người đã qua đào tạo chỉ chiếm khoảng 20 % nhưng chủ yếu tham gia trong các cơ quan hành chính sự nghiệp và một số doanh nghiệp, lao động có trình độ tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất chiếm tỉ lệ thấp.

## **3. Kinh tế.**

Sau hơn 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, kinh tế của tỉnh Ninh Bình phát triển mạnh mẽ và đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Các chỉ tiêu phát triển kinh tế đều đạt và vượt mục tiêu đề ra.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Năm 2005: Công nghiệp - Xây dựng: 36 %; Nông - Lâm nghiệp - Thủy sản: 31 %; Dịch vụ: 33 %. Năm 2008: Công nghiệp - Xây dựng: 44 %; Nông - Lâm nghiệp - Thủy sản: 21 %; Dịch vụ: 35 %. Kết quả cụ thể năm 2008 trên một số lĩnh vực:

- Sản xuất công nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng cao; GDP tăng 18,9%; thu hút đầu tư đạt kết quả khá. Tổng giá trị sản xuất công nghiệp năm 2008 đạt 5.934,8 tỷ đồng.

- Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt gần 2.000 tỷ đồng. Giá trị sản xuất bình quân đạt 56, 3 triệu đồng/ha đất canh tác.

- Du lịch Ninh Bình có nhiều tiến bộ. Ngành du lịch đã đón trên 1,9 triệu lượt khách, tăng 25 %; doanh thu đạt 162 tỷ đồng.

- Thu ngân sách nhà nước đạt 2.002 tỷ đồng. Tổng nguồn vốn huy động của các ngân hàng, tổ chức tín dụng đạt 12.362 tỷ đồng.

## **4. Văn hoá - Xã hội.**

### **4.1. Giáo dục-đào tạo.**

Hệ thống giáo dục khá hoàn chỉnh, phát triển rộng rãi đến các xã, phường. Trong năm học 2008-2009 toàn tỉnh có 151 trường Mầm non với 3.837 giáo viên và 29.029 học sinh; 154 trường Tiểu học với 3.208 giáo viên và 61.796 học sinh; 144 trường Trung học cơ sở với 3.518 giáo viên và 65.644 học sinh; 27 trường Trung học phổ thông với 1.505 giáo viên và 48.999 học sinh; 5 trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp với 734 giáo viên và 9.515 học sinh, sinh viên.



Chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn ở tất cả các cấp học, ngành học được duy trì và phát triển; Tỷ lệ tốt nghiệp THPT hàng năm đạt trên 80 %.

#### **4.2. Y tế-Văn hoá, thể dục thể thao.**

- Hoạt động y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân có nhiều tiến bộ. Chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên. Cơ sở vật chất được tăng cường, các trang thiết bị y tế mới được đưa vào sử dụng.

- Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được quan tâm đầu tư và phát triển mạnh.

#### **5. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình đến năm 2020.**

Phương hướng chung về phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh Ninh Bình được Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX xác định là: " Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ, vai trò quản lý, điều hành của hệ thống chính quyền, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân, tiếp tục đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, khai thác và huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá, tập trung cao cho phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch, đồng thời coi trọng phát triển nông nghiệp bền vững. Nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu hội nhập của nền kinh tế. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, phát triển văn hoá - xã hội đồng bộ với tăng trưởng kinh tế...; Xây dựng Ninh Bình thành tỉnh có cơ cấu kinh tế : Công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ hợp lý".

#### **6. Đánh giá chung.**

Trong những năm qua, phát huy truyền thống ácchs mạng của quê hương, phát huy thế mạnh của tỉnh, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự nỗ lực phấn đấu của quân và dân toàn tỉnh, kinh tế - xã hội Ninh Bình từng bước phát triển. Ninh Bình trở thành một trong những tỉnh có nền kinh tế tăng trưởng cao trong khu vực đồng bằng Bắc bộ và cả nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Văn hóa xã hội có nhiều tiến bộ, đời sống nhân dân được cải thiện. An ninh, quốc phòng được giữ vững. Đây là kết quả có ý nghĩa rất quan trọng để tiến tới hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đề ra và tạo ra những tiền đề vững chắc, phấn đấu đến năm 2020, tỉnh Ninh Bình cơ bản trở thành một tỉnh có nền kinh tế phát triển theo hướng công nghiệp - du lịch.



## II. THỰC TRẠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

### 1. Bộ máy tổ chức và đội ngũ.

#### 1.2. Bộ máy tổ chức.

Thực hiện Điều lệ trường Đại học; Quyết định số 2354/QĐ-UBND ngày 05/10/2007 và Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 15/01/2009 của UBND tỉnh Ninh Bình, trường Đại học Hoa Lư đã sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức bao gồm:

- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng.

- Hội đồng khoa học và đào tạo.

- Các phòng chức năng (06 phòng): Phòng Tổ chức - Tổng hợp, phòng Đào tạo - Quản lý khoa học, phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng, phòng Công tác sinh viên, phòng Tài vụ, phòng Hành chính - Quản trị.

- Các khoa chuyên môn (07 khoa): Khoa Tự nhiên, khoa Xã hội - Du lịch, khoa Kinh tế - Kỹ thuật, khoa Ngoại ngữ - Tin học, khoa Nông Lâm, khoa Tiểu học - Mầm non, khoa Giáo dục thường xuyên.

- Các Bộ môn (02 Bộ môn): Bộ môn Lý luận chính trị, bộ môn Giáo dục thể chất - Tâm lý.

- Các Trung tâm (02 Trung tâm): Trung tâm Thư viện - Thiết bị, Trung tâm Y tế - Môi trường.

- Ban (01 Ban): Ban quản lý Ký túc xá.

#### 1.2. Đội ngũ:

Tính đến tháng 6/2009, đội ngũ cán bộ, viên chức và lao động của trường là 204 người. Trong đó : cán bộ giảng dạy 160 người, cán bộ và nhân viên phục vụ 44 người.

##### 1.2.1. Đội ngũ cán bộ giảng dạy

- Tổng số: 160 người, trong đó 01 Tiến sỹ, 66 Thạc sỹ (5 NCS), 35 Cao học, 58 Đại học. Cán bộ giảng dạy khối ngành Sư phạm là 131/160, chiếm 82 %. Cán bộ giảng dạy khối ngành ngoài Sư phạm 29/160, chiếm 18 %.

- Về cơ cấu đội ngũ:

+ Phân theo trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học.

	Tổng số	Trình độ CM			Trình độ LLCT			Trình độ NN			Trình độ Tin học		
		TS	Th.S	ĐH	CC	TC	SC	CN	A	B.C	CN	A	B.C
B. Giám hiệu	04	01	03		04					04			4
CBQL đơn vị	29		17	12	06	08	15	01	10	20	01	10	20
Giảng viên	127		46	81	03	19	107	08	57	60	9	75	41
<b>Cộng</b>	<b>160</b>	<b>01</b>	<b>66</b>	<b>93</b>	<b>13</b>	<b>25</b>	<b>122</b>	<b>09</b>	<b>67</b>	<b>84</b>	<b>10</b>	<b>85</b>	<b>65</b>



+ Phân theo chuyên ngành:

TT	Chuyên môn	Số lượng	TT	Ngành	Số lượng
<b>I. Ngành Sư phạm</b>			<b>II. Ngành Kinh tế, Kỹ thuật</b>		
01	Giảng viên Toán	11	17	Giảng viên Kinh tế	03
02	Giảng viên Vật lý	08	18	Giảng viên Kế toán	03
03	Giảng viên Hoá học	07	19	Giảng viên QTKD	05
04	Giảng viên Sinh học	12	20	Giảng viên Điện	02
05	Giảng viên Văn	15	21	Giảng viên CNMT	01
06	Giảng viên Lịch sử	03	<b>III. Ngành Nông nghiệp</b>		
07	Giảng viên Địa Lý	03	22	GV Nông nghiệp	05
08	Giảng viên SPKTCN	02	<b>IV. Ngành khác</b>		
09	Giảng viên GDMN	06	23	Giảng viên VNH+DL	03
10	Giảng viên TLGD	12	24	Giảng viên TV- TT	03
11	Giảng viên Âm nhạc	04	25	Giảng viên XHH	01
12	Giảng viên Mỹ thuật	05	26	Giảng viên QTVP	01
13	Giảng viên LLCT	15	27	Giảng viên Hán Nôm	01
14	Giảng viên GDTC	09			
15	Giảng viên Tin	07			
16	Giảng viên Ngoại ngữ	11			

+ Phân theo độ tuổi:

Tổng số	Độ tuổi				
	Dưới 30	31-40	41- 50	51-55	Trên 55
160	82	36	14	11	17

### 1.2.2. Cán bộ, nhân viên phục vụ.

Cán bộ, nhân viên phục vụ của trường có 44 người (09 chuyên viên, 02 kỹ thuật viên, 33 nhân viên). Về trình độ: 10 kỹ sư, cử nhân; 06 Cao đẳng và 28 trình độ khác. Trong giai đoạn hiện nay về cơ bản đội ngũ phục vụ đáp ứng các nhiệm vụ được giao. Hầu hết số chuyên viên và nhân viên có trình độ Tin học từ A trở lên và biết sử dụng các trang thiết bị phục vụ đào tạo.

## 2. Hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

### 2.1. Hoạt động đào tạo:

Trường Đại học Hoa Lu đã và đang đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực trình độ Đại học, Cao đẳng, Trung cấp các lĩnh vực sư phạm, kinh tế, du lịch, nông nghiệp, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Ninh Bình và các vùng lân cận.



### 2.1.1. Quy mô đào tạo.

Trước năm 2007, quy mô đào tạo của nhà trường ít và tăng giảm không đồng đều trong các năm, do nhà trường chỉ đào tạo giáo viên. Sau khi được nâng cấp thành trường đại học đa ngành, với việc mở rộng các ngành nghề đào tạo, quy mô đào tạo đã tăng lên đáng kể, đặc biệt là hệ chính quy. Nếu các năm học trước kia quy mô đào tạo hệ chính quy chỉ có từ 400- 500 sinh viên thì năm học 2008 - 2009, quy mô đào tạo hệ chính quy là 1.684 sinh viên.

Quy mô đào tạo từ năm học 2003 - 2004 đến nay như sau:

Hệ Năm học	Chính quy			Không CQ		Liên kết đào tạo			Bồi dưỡng		Tổng
	ĐH	CĐ	THSP	CĐ	THSP	ĐH	CĐ	TCN	CBQL	Tin,NN	
2003-2004		402	234	303	589	206	96		57		1887
2004-2005		362	202	252	671	206	154		59	107	2013
2005-2006		344	192	436	688	206	116		73	288	2343
2006-2007		262	262	186	420	60	58		59		1307
2007-2008		534	448	176	174	685			71	57	2145
2008-2009	488	876	377			1122		300			3163

### 2.1.2. Phương thức đào tạo.

Hiện nay, trường Đại học Hoa Lư tổ chức nhiều phương thức đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu người học, nhu cầu nguồn nhân lực của địa phương.

- Hệ chính quy: đào tạo chính quy, đào tạo liên thông.
- Hệ không chính quy: đào tạo tại chức, đào tạo liên kết.

### 2.1.3. Ngành nghề đào tạo.

Sau 2 năm thành lập, nhà trường đã được Bộ Giáo dục & Đào tạo cho phép, mở thêm 10 mã ngành đại học và 6 mã ngành cao đẳng. Hiện nay nhà trường đang đào tạo các ngành sau:

#### a) Đào tạo chính quy:

- Trình độ Đại học (10 ngành) gồm: Sư phạm Toán- Tin, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hóa- Sinh, Sư phạm Sinh, Sư phạm Văn- Sử, Giáo dục Mầm non, Việt Nam học, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Trồng trọt.

- Trình độ Cao đẳng (21 ngành) gồm: Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học, Sư phạm Công nghệ, Sư phạm Ngữ Văn, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Địa lý, Sư phạm Toán học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hoá học, Sư phạm Sinh học, Sư phạm KTCN, Sư phạm KTNN, Sư phạm Giáo dục Công dân, Sư phạm Tiếng Anh, Tin học, Việt Nam học, Thư viện-Thông tin, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Quản trị văn phòng, Công nghệ thiết bị trường học.



- *Trình độ Trung cấp* (02 ngành) gồm: Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học.

b) *Đào tạo không chính quy (tại chức, chuyên tu, chuẩn hoá).*

- *Trình độ Cao đẳng* (4 ngành) gồm: Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học, Chuẩn hoá giáo viên THCS (10+3, 12+2), Giáo dục Tiểu học chuyên tu.

- *Trình độ Trung cấp* (2 ngành) gồm: Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học.

c) *Liên kết đào tạo.*

- Cao học: Ngành Kinh tế - Chính trị

- Đại học: Sư phạm Toán, SP Văn, GDMN; Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp; Kế toán; Quản trị kinh doanh.

- Trung cấp: Trung cấp nghề Du lịch

#### 2.1.4. *Chất lượng đào tạo.*

Nhà trường đã thực hiện các giải pháp tích cực, hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, như: Xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo tính khoa học, tính thực tiễn; tổ chức thường xuyên các hoạt động đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới thi học phần, học kỳ, kiểm tra, đánh giá..., trong những năm qua, chất lượng đào tạo của trường Đại học Hoa Lư liên tục được nâng lên. Hàng năm số sinh viên đạt điểm học tập loại khá trở lên chiếm tỉ lệ trên 30%, tỉ lệ tốt nghiệp đạt từ 83 – 96%. Sinh viên của trường khi được tuyển dụng vào các cơ sở đều phát huy hiệu quả.

#### 2.2. *Hoạt động nghiên cứu khoa học.*

Từ năm 2001 đến năm 2008 cán bộ, giảng viên của nhà trường đã nghiên cứu 359 đề tài NCKH các cấp, trong đó: 3 đề tài cấp tỉnh; 71 đề tài cấp trường và 285 đề tài cấp khoa, bộ môn.

#### **Kết quả đề tài NCKH từ năm 2001 đến 2008.**

TT	Năm học	Số lượng đề tài				Kết quả đánh giá					
		Cấp tỉnh	Cấp trường	Cấp Khoa, tổ	Tổng	Cấp trường			Cấp khoa, tổ		
						T	K	TB	T	K	TB
1	01 - 02	01	13	43	57	10	2	1	16	17	10
2	02 - 03		13	33	46	9	2	2	20	10	3
3	03 - 04	01	09	48	58	6	2	1	18	15	15
4	04 - 05	01(tiếp)	16	45	61	10	3	3	17	14	14
5	05 - 06		05	33	38	2	3		17	10	06
6	06 - 07		08	41	49	4	4		17	15	09
7	07 - 08	01	07	42	50	3	3	1	21	17	4
<b>Cộng</b>		<b>03</b>	<b>71</b>	<b>285</b>	<b>359</b>	<b>44</b>	<b>19</b>	<b>8</b>	<b>126</b>	<b>98</b>	<b>61</b>



Nhìn chung các đề tài nghiên cứu mang tính khoa học và có giá trị thực tiễn cao. Ba đề tài NCKH cấp tỉnh đã được Hội đồng khoa học tỉnh nghiệm thu và xếp loại Xuất sắc. Các đề tài khoa học cấp trường, khoa đều được xếp loại từ Trung bình trở lên. Kết quả nghiên cứu đề tài đã và đang được áp dụng vào công tác đào tạo, quản lý của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên.

### 3. Cơ sở vật chất, thiết bị trường học, tài chính.

Cơ sở vật chất, thiết bị trường học đang từng bước được đầu tư xây dựng, bổ sung và nâng cấp nhằm đáp ứng yêu cầu mở rộng, phát triển quy mô đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà trường.

#### 3.1 Diện tích, phòng học và các phòng chức năng.

- Đất đai: Cơ sở 1: 52.761,4 m<sup>2</sup>; Cơ sở 2 : 250.000 m<sup>2</sup>.

- Phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, ký túc xá:

STT	Tên nhà	Số nhà	Số phòng	Diện tích
1	Nhà làm việc	02	43	1.958
2	Nhà học kiên cố	02	45	3.963
3	Nhà học cấp 4	02	10	918
4	Hội trường kiêm giảng đường	01	01	444
5	Thư viện	01	02	455
6	Phòng thí nghiệm	01	03	190
7	Ký túc xá	02	108	4.037
8	Khu tập thể	03	30	450
9	Khu thể thao : nhà đa năng	01	01	979

#### 3.2. Thiết bị trường học, thư viện.

- Thiết bị trường học:

STT	Tên Phòng	Số phòng (phòng)	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Nguyên giá (VNĐ)
1	Phòng Vi tính	04	220	950.000.000
2	Phòng Láp	01	50	84.000.000
3	Phòng Thí nghiệm Vật lý	01	50	284.000.000
4	Phòng Thí nghiệm Hoá học	01	70	411.000.000
5	Phòng Thí nghiệm Sinh vật	01	70	250.000.000
6	Thiết bị môn Mỹ thuật	01	60	50.000.000
7	Thiết bị môn Âm Nhạc	01	60	350.000.000
8	Phòng nghe nhìn	01	40	120.000.000
9	Thiết bị thể dục thể thao	01	1.000	280.000.000



- Sách thư viện:

STT	Môn	Đầu sách	Số lượng (cuốn)
1	Chính trị xã hội	616	10.106
2	Ngôn ngữ	315	2.842
3	Khoa học tự nhiên và toán học	845	15.890
4	Y học	218	1.271
5	Tin học TT và Tp tổng quát	228	3.991
6	Kỹ thuật nông nghiệp	278	4.365
7	Nghệ thuật, MT trang trí	258	2.566
8	Khoa Học xã hội, văn học	1.322	17.779
9	Địa lý, lịch sử và ngành phụ trợ	281	3.428
10	Tổng loại	274	6.030
11	Sách Dự án THCS	47	9.471
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4.682</b>	<b>77.739</b>

### 3.3. Tài chính

Năm	Ngân sách nhà nước (VNĐ)	Thu sự nghiệp (VNĐ)	Tổng (VNĐ)
2006	7.073.417.000	515.000.000	7.588.417.000
2007	8.139.550.000	2.484.000.000	10.623.550.000
2008	10.560.058.000	2.702.000.000	13.262.058.000

## 4. Đánh giá chung

### 4.1. Ưu điểm

Trong gần 50 năm, kế thừa những thành quả xây dựng và phát triển của trường Trung học Sư phạm Ninh Bình, Cao đẳng Sư phạm Ninh Bình, được sự quan tâm, chỉ đạo và giúp đỡ của của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Tỉnh uỷ, UBND tỉnh Ninh Bình, sau hơn 2 năm xây dựng, trường Đại học Hoa Lư đã đạt được những kết quả nhất định trên các lĩnh vực: Xây dựng đội ngũ, phát triển quy mô đào tạo, nghiên cứu khoa học và xây dựng cơ sở vật chất. Nhà trường từng bước ổn định và phát triển.

Bộ máy tổ chức được bố trí, sắp xếp phù hợp với thực tế của nhà trường. Đội ngũ cán bộ, giảng viên được bổ sung, tăng cường và nâng cao chất lượng, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt.

Quy mô đào tạo phát triển. Nếu như năm học 2006- 2007, quy mô đào tạo của nhà trường mới chỉ có 700 HSSV, thì năm 2008- 2009, quy mô đào tạo là



3.200 HSSV, tăng gấp 4,5 lần. Chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học từng bước được đẩy mạnh và nâng cao.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị được bổ sung, tăng cường, cơ bản bước đầu đáp ứng yêu cầu để mở rộng và phát triển qui mô đào tạo. Nguồn kinh phí cơ bản đã đáp ứng yêu cầu các hoạt động thường xuyên của nhà trường.

#### **4.2. Tồn tại, hạn chế**

Mặc dù đạt được một số kết quả trong quá trình xây dựng và phát triển, nhưng trường Đại học Hoa Lư còn một số tồn tại, hạn chế, cần phải khắc phục trong giai đoạn tới, đó là:

- Cơ cấu tổ chức, bộ máy mới chỉ phù hợp với một trường Đại học có quy mô đào tạo nhỏ và chủ yếu đào tạo các ngành Sư phạm.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ giảng dạy còn thiếu, chưa đồng bộ về cơ cấu, chủng loại, trình độ chuyên môn.

+ Đối với đội ngũ cán bộ quản lý: Trình độ không đồng đều, thiếu cán bộ đủ tiêu chuẩn về học vị để đảm nhận vị trí trưởng các khoa, độ tuổi bình quân cao; Trình độ ngoại ngữ, tin học chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

+ Đối với đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ cao chiếm tỷ lệ thấp so với tổng số cán bộ giảng viên của nhà trường (đặc biệt là so với các trường Đại học trong nước); chưa có cán bộ giảng dạy có học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư. Số cán bộ giảng viên trẻ chiếm 50%, kinh nghiệm giảng dạy còn hạn chế.

+ Công tác tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, còn bất cập. Số giảng viên say mê nghiên cứu khoa học chưa nhiều.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo mới chỉ đáp ứng yêu cầu của nhà trường với qui mô nhỏ. Số lượng phòng học, giảng đường chưa đủ để mở rộng quy mô đào tạo của nhà trường (Cơ sở mới chưa xây dựng xong, cơ sở cũ đã quá tải). Các phòng thí nghiệm, thực hành về cơ bản mới chỉ đáp ứng yêu cầu đào tạo ở trình độ cao đẳng sư phạm. Chưa có xưởng thực hành phục vụ đào tạo các ngành kỹ thuật.

- Nguồn kinh phí chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách nhà nước cấp, chưa có nhiều hoạt động nhằm tăng nguồn thu sự nghiệp góp phần đầu tư cơ sở vật chất và tăng thêm thu nhập cải thiện đời sống cho cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường.



**PHẦN THỨ HAI**  
**ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ GIẢI ĐOẠN 2009- 2020**

**I. NHỮNG CĂN CỨ.**

**1. Căn cứ pháp lý.**

- Luật giáo dục năm 2005;
- Chỉ thị số 40- CT/TW ngày 15/6/2004 của Ban Bí thư Trung ương về việc xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục;
- Quyết định số 09/2005/QĐ- TTg ngày 11/1/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục”;
- Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 09/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Hoa Lư trực thuộc UBND tỉnh Ninh.
- Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục Đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020;
- Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 21/10/2008 của Tỉnh uỷ Ninh Bình về thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 06/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) “Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”,

**2. Căn cứ khoa học và thực tiễn.**

- Đặc điểm kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình;
- Kinh nghiệm xây dựng và phát triển của một số trường Đại học Việt Nam;
- Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020;
- Thực tiễn xây dựng và phát triển trường Đại học Hoa Lư.

**II. SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU.**

**1. Sứ mạng.**

Trường Đại học Hoa Lư là trường Đại học đa ngành, đa cấp, đa lĩnh vực; là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình và các vùng lân cận



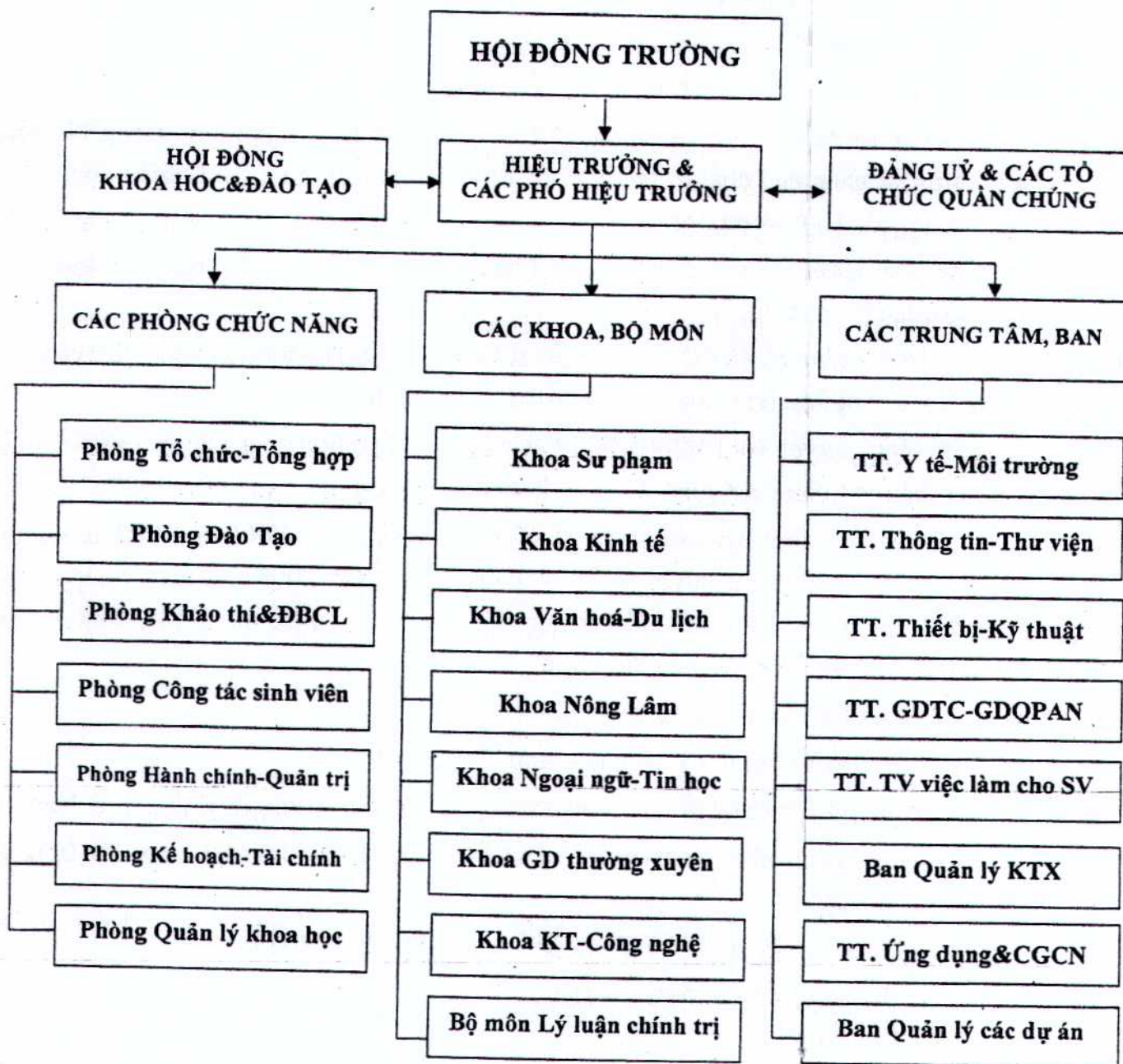
## 2. Mục tiêu.

### 2.1. Xây dựng bộ máy tổ chức và đội ngũ.

#### 2.1.1. Bộ máy tổ chức

Từng bước xây dựng và hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy trường Đại học Hoa Lu phù hợp với thực tiễn phát triển nhà trường và đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và hướng dẫn của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

- Mô hình Bộ máy tổ chức của trường Đại học Hoa Lu đến năm 2015:





*b. Qui mô đào tạo*

+ Đến năm 2010: Có khoảng 4.500 HSSV (Hệ chính quy: 3.000 HSSV).

+ Đến năm 2015: Có khoảng 6.000-7.000 HSSV (Hệ chính quy: 5.000 HSSV)

+ Đến năm 2020: Có khoảng 8.000-10.000 HSSV (Hệ chính quy: 7.000 HSSV).

*c. Chất lượng đào tạo:*

- Tỷ lệ thi tốt nghiệp hàng năm đạt từ 90 - 95%, trong đó có từ 30 - 40% khá, giỏi.

- Sinh viên ra trường đáp ứng được yêu cầu xã hội.

*2.2.2. Công tác nghiên cứu khoa học.*

*\* Số lượng đề tài:*

- Năm 2010: Có từ 1-2 đề tài cấp tỉnh, 5- 10 đề tài cấp trường, còn lại là đề tài cấp khoa.

- Năm 2015: Có từ 1-2 đề tài cấp Bộ, 2-4 đề tài cấp tỉnh, 10- 15 đề tài cấp trường, còn lại là đề tài cấp khoa.

- Năm 2020: Có từ 1-2 đề tài cấp Nhà nước, 2-3 đề tài cấp Bộ, 4- 5 đề tài cấp tỉnh, 15- 20 đề tài cấp trường, còn lại là đề tài cấp khoa.

*\* Chất lượng:*

- 100 % đề tài khoa học được Hội đồng khoa học các cấp xếp loại từ Khá trở lên. Các kết quả nghiên cứu được ứng dụng vào công tác đào tạo của nhà trường, vào thực tiễn cuộc sống và sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh Ninh Bình.

**2.3. Xây dựng cơ sở vật chất - Thiết bị trường học, tài chính.**

*2.3.1. Xây dựng cơ sở vật chất:*

Xây dựng và phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng: khu làm việc, khu giảng đường, ký túc xá sinh viên, khu sinh hoạt văn hóa thể thao, thư viện, khu xưởng trại thực tập, phòng thí nghiệm...

- Năm 2015: Hoàn thành xây dựng cơ bản các công trình trọng yếu phục vụ nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các mặt hoạt động của nhà trường tại khu trụ sở mới, gồm: Nhà điều hành, khu giảng đường, ký túc xá, nhà đa năng, thư viện, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành...

- Năm 2020: Hoàn thiện toàn bộ dự án xây dựng trường Đại học Hoa Lư.

*2.3.2. Thiết bị trường học:*

- Năm 2015: cơ bản bổ sung đầy đủ trang thiết bị phục vụ đào tạo Đại học, đặc biệt là đào tạo các ngành kinh tế, Nông nghiệp, kỹ thuật và công nghệ.



- Năm 2020: bổ sung trang thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa.

### 2.3.3. Tài chính:

- Năm 2015: Dự toán ngân sách: 45 tỷ đồng (Ngân sách nhà nước cấp 35 tỷ đồng, Thu sự nghiệp: 10 tỷ đồng).

- Năm 2020: Dự toán ngân sách là 60 tỷ đồng (Ngân sách nhà nước cấp 45 tỷ đồng, Thu sự nghiệp: 15 tỷ đồng).

- Kinh phí dự kiến đầu tư xây dựng nhà trường đến năm 2020:

+ Giai đoạn 2010- 2015

Năm	Kinh phí		Tổng
	Đầu tư xây dựng	Chi thường xuyên	
2010	50.000.000.000	19.000.000.000	69.000.000.000
2011	70.000.000.000	23.000.000.000	93.000.000.000
2012	70.000.000.000	26.000.000.000	96.000.000.000
2013	90.000.000.000	30.000.000.000	120.000.000.000
2014	100.000.000.000	30.000.000.000	130.000.000.000
2015	100.000.000.000	30.000.000.000	130.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>480.000.000.000</b>	<b>158.000.000.000</b>	<b>638.000.000.000</b>

+ Giai đoạn 2016-2020

Năm	Kinh phí		Tổng
	Đầu tư xây dựng	Chi thường xuyên	
2016	10.000.000.000	30.000.000.000	40.000.000.000
2017	15.000.000.000	32.000.000.000	47.000.000.000
2018	20.000.000.000	35.000.000.000	55.000.000.000
2019	25.000.000.000	38.000.000.000	63.000.000.000
2020	30.000.000.000	40.000.000.000	70.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>175.000.000.000</b>	<b>275.000.000.000</b>

Nguồn kinh phí chi cho đầu tư xây dựng; Dự kiến:

- Xin trung ương hỗ trợ: 60%

- Ngân sách địa phương: 30%

- Thu sự nghiệp và các nguồn hợp pháp khác: 10%



### III. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

**1. Xây dựng và hoàn thiện bộ máy tổ chức trường Đại học Hoa Lư phù hợp với thực tiễn phát triển nhà trường và đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương; Phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên, đủ về cơ cấu, chủng loại, chuẩn hóa về trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.**

#### *1.1. Bộ máy tổ chức:*

- Đến năm 2015: Dự kiến bộ máy tổ chức gồm 23 đơn vị trực thuộc: 7 phòng, 7 khoa, 1 bộ môn, 6 trung tâm và 2 ban:

+ 7 Phòng: Phòng Tổ chức-Tổng hợp, Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng, Phòng Công tác sinh viên, Phòng Hành chính-Quản trị, Phòng Kế hoạch-Tài chính, Phòng Quản lý khoa học.

+ 7 Khoa: Khoa Sư phạm, Khoa Kinh tế, Khoa Văn hoá-Du lịch, Khoa Nông lâm, Khoa Ngoại ngữ-Tin học, Khoa Giáo dục thường xuyên, Khoa Kỹ thuật-Công nghệ.

+ 1 Bộ môn: Bộ môn Lý luận chính trị.

+ 6 Trung tâm: Trung tâm Y tế-Môi trường, Trung tâm Thông tin-Thư viện, Trung tâm Thiết bị-Kỹ thuật, Trung tâm Giáo dục thể chất-Giáo dục quốc phòng an ninh, Trung tâm Tư vấn việc làm cho sinh viên, Trung tâm Ứng dụng&chuyên giao công nghệ.

+ 2 Ban: Ban Quản lý ký túc xá, Ban Quản lý các dự án.

- Đến năm 2020: Dự kiến bộ máy tổ chức gồm 25 đơn vị trực thuộc: 8 phòng, 9 khoa, 6 trung tâm và 2 ban:

+ 8 Phòng: Phòng Tổ chức-Tổng hợp, Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng, Phòng Công tác sinh viên, Phòng Hành chính-Quản trị, Phòng Kế hoạch-Tài chính, Phòng Quản lý khoa học, Phòng Thanh tra.

+ 9 Khoa: Khoa Sư phạm, Khoa Kinh tế, Khoa Văn hoá-Du lịch, Khoa Nông lâm, Khoa Ngoại ngữ-Tin học, Khoa Giáo dục thường xuyên, Khoa Kỹ thuật-Công nghệ, Khoa Lý luận chính trị, Khoa Sau đại học

+ 6 Trung tâm: Trung tâm Y tế-Môi trường, Trung tâm Thông tin-Thư viện, Trung tâm Thiết bị-Kỹ thuật, Trung tâm Giáo dục thể chất-Giáo dục quốc phòng an ninh, Trung tâm Tư vấn việc làm cho sinh viên, Trung tâm Ứng dụng&chuyên giao công nghệ.

+ 2 Ban: Ban Quản lý ký túc xá, Ban Quản lý các dự án



## **1.2. Phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ**

### **a) Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên:**

- Căn cứ định hướng phát triển của nhà trường và thực trạng đội ngũ cán bộ, giảng viên hiện có, xây dựng quy hoạch, chiến lược phát triển đội ngũ nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của nhà trường trong từng giai đoạn.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giảng viên của trường giai đoạn 2010 - 2020, trong đó nêu rõ các lộ trình và chỉ tiêu phấn đấu đặt ra vào các năm 2010, 2015, 2020...trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt. Sử dụng hợp lý năng lực chuyên môn của cán bộ. Bố trí cán bộ theo hướng chuyên sâu. Mỗi năm cử từ 10-15 cán bộ đi học cao học trong đó có từ 3-5 giảng viên đi nghiên cứu sinh.

- Triển khai tổ chức thực hiện quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thời kỳ CNH-HĐH đất nước được Tỉnh ủy phê duyệt. Hàng năm rà soát, bổ sung và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng quản lý nhà nước, quản lý giáo dục, ngoại ngữ, lý luận chính trị.

- Xây dựng kế hoạch và chính sách đối với các giảng viên trẻ và các sinh viên giỏi để tạo nguồn cán bộ kế cận.

### **b) Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng để từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng viên cơ hữu của nhà trường:**

- Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Xây dựng đề án đào tạo tiến sỹ là giảng viên cơ hữu của trường Đại học Hoa Lư giai đoạn 2010- 2020 để cử giảng viên đi học.

+ Khai thác các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ của Bộ, của địa phương: Chương trình 322 của Bộ GDĐT, Đề án 30 của tỉnh Ninh Bình và các chương trình liên kết khác với các Viện nghiên cứu, Học viện, các trường Đại học để cử giảng viên tham gia học tập.

+ Xây dựng kế hoạch mở các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ giảng dạy Đại học cho CBGV, đồng thời cử giảng viên đi học các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, quản lý ngành do các cấp tổ chức.

+ Liên kết với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước, tổ chức thăm quan, hội thảo, chuyên đề về giáo dục đại học cho cán bộ, giảng viên nhà trường .

- Căn cứ tiêu chuẩn, chức danh quy định, nhà trường lập danh sách cán bộ, giảng viên đề nghị với Tỉnh ủy, Sở Nội vụ, phê duyệt đi học nâng cao trình độ lý luận chính trị.



- Mở rộng hợp tác với các cơ sở đào tạo Sau Đại học, các trường Đại học có uy tín trong và ngoài nước để đào tạo giảng viên có trình độ từ Thạc sỹ trở lên.

- Xây dựng quy chế bắt buộc đối với giảng viên của trường đi học sau Đại học, nhất là đi nghiên cứu sinh. Tạo điều kiện cần thiết về thời gian và kinh phí cho giảng viên đi học tập chuẩn hoá, nâng cao trình độ chuyên môn.

- Kiên quyết thực hiện chế độ sàng lọc, tuyển chọn cán bộ, giảng viên nhằm đảm bảo đội ngũ giảng viên có phẩm chất, có năng lực, để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Có chế độ thích hợp (tạo điều kiện chuyển trường, bố trí công việc phù hợp) đối với những giảng viên không đáp ứng được yêu cầu của giảng viên trường Đại học.

*c) Tăng cường thu hút đội ngũ cán bộ có trình độ cao về công tác tại trường.*

- Tham mưu, đề xuất với Tỉnh uỷ, UBND tỉnh xem xét, bổ sung chính sách thu hút, nhằm khuyến khích các sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, các cán bộ khoa học có trình độ cao về trường công tác và gắn bó lâu dài với trường.

- Có chế độ đãi ngộ, sử dụng hợp lý cán bộ khoa học nói chung, cán bộ giảng dạy có trình độ cao nói riêng để họ yên tâm công tác.

- Cho phép nhà trường hợp đồng đối với giảng viên có trình độ GS, PGS, Tiến sỹ dưới 65 tuổi về làm giảng viên thỉnh giảng và làm giảng viên cơ hữu của trường.

*d) Mở rộng hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học.*

- Phát triển các hình thức trao đổi cán bộ và chuyên gia, hợp tác giảng dạy. Mời các chuyên gia, cán bộ khoa học về giảng dạy nhằm bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giảng viên của trường.

- Hợp tác với một số viện nghiên cứu để mời cán bộ tham gia giảng dạy và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học các chuyên ngành nhà trường đang đào tạo và chuẩn bị đào tạo mới.

*e) Tăng cường công tác quản lý, đánh giá đội ngũ cán bộ, giảng viên.*

- Xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá và công khai trong đội ngũ cán bộ, giảng viên. Cải tiến công tác đánh giá, coi trọng việc đánh giá hiệu quả công tác và đóng góp về chuyên môn của cán bộ, giảng viên.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, công bố công trình nghiên cứu khoa học các cấp quản lý; Khuyến khích đội ngũ cán bộ giảng dạy đi đào tạo tại các trung tâm đào tạo và NCKH lớn trong cả nước, đặc biệt là ở nước ngoài. Bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của nhà trường đúng các quy định về trình độ chuyên môn.



- Công khai kế hoạch, chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, nhất là đào tạo ngoài nước.

*f) Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng giảng viên:*

- Liên hệ chặt chẽ với các trường Đại học trọng điểm để tuyên truyền, vận động, tạo điều kiện cho các sinh viên xuất sắc, sinh viên giỏi đăng ký tuyển dụng vào giảng dạy tại trường Đại học Hoa Lư đối với những ngành còn thiếu giảng viên.

- Tổ chức thi tuyển để tuyển dụng được cán bộ, giảng viên có năng lực đáp ứng điều kiện, yêu cầu công tác của nhà trường.

- Thực hiện hình thức tạm tuyển, hợp đồng có thời hạn trong việc tuyển dụng giảng viên để có thời gian thử thách; nhằm tuyển chọn được giảng viên có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công tác.

**2. Xây dựng cơ cấu ngành nghề, qui mô đào tạo phù hợp, đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương; Từng bước nâng cao chất lượng đào tạo; Đẩy mạnh hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ**

**2.1. Xây dựng cơ cấu ngành nghề và qui mô đào tạo.**

*a. Cơ cấu ngành nghề.*

Đến năm 2020, hoàn thiện cơ cấu ngành nghề theo 4 nhóm ngành đào tạo ở trình độ cao đẳng, đại học như :

- |   |     |
|---|-----|
| - Nhóm ngành Sư phạm:                   | 25% |
| - Nhóm ngành Kinh tế, Văn hoá, Du lịch: | 30% |
| - Nhóm ngành Nông, Lâm, Thủy sản:       | 15% |
| - Nhóm ngành Kỹ thuật-Công nghệ:        | 30% |

*b. Qui mô đào tạo*

- Căn cứ đội ngũ, cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường, qui mô đào tạo:

+ Đến năm 2010: Có khoảng 4.500 HSSV (Hệ chính quy: 3.000 HSSV).

+ Đến năm 2015: Có khoảng 6.000-7.000 HSSV (Hệ chính quy: 5.000 HSSV)

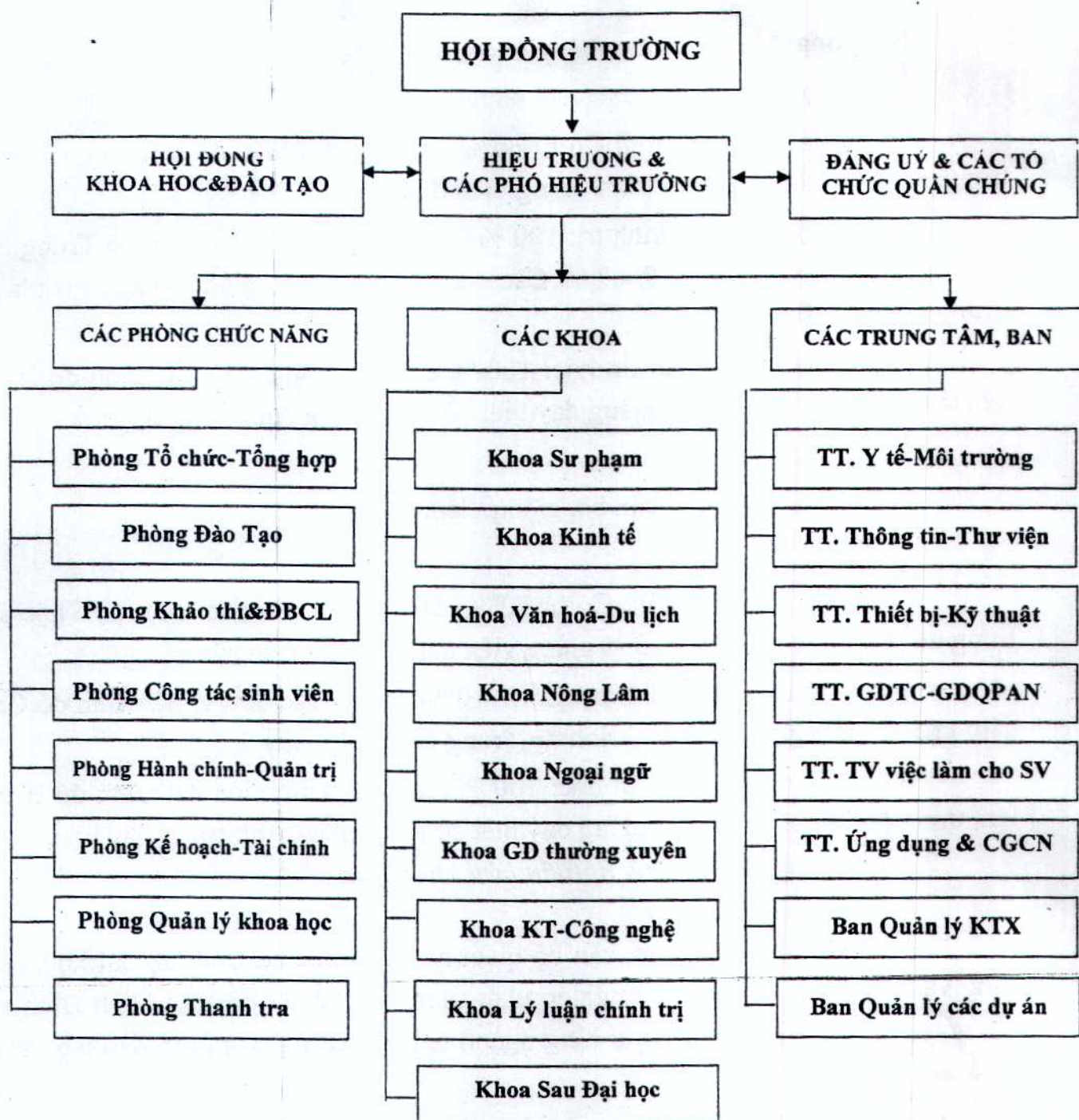
+ Đến năm 2020: Có khoảng 8.000-10.000 HSSV (Hệ chính quy: 7.000 HSSV).

**2.2. Từng bước nâng cao chất lượng đào tạo**

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nâng cao năng lực quản lý đào tạo: Tiến hành các giải pháp bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ quản lý và các kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý phòng, khoa, bộ môn... Ứng dụng công nghệ thông tin nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của trường. Xây dựng kế hoạch và lộ trình để sau năm 2012 triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ.



- Mô hình Bộ máy tổ chức của trường Đại học Hoa Lu đến năm 2020.



### 2.1.2. Đội ngũ:

Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ giảng dạy theo hướng chuẩn hoá, đồng bộ về cơ cấu, chủng loại; đủ về số lượng; xây dựng chương trình phát triển đội ngũ kế cận theo hướng trẻ hoá; trú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo



đức, lối sống, thành thạo ngoại ngữ tiếng Anh, Tin học, có khả năng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục Đại học trong xu thế hội nhập quốc tế.

**\* Đến năm 2015:**

- Số lượng: 300 - 350 cán bộ, giảng viên.

- Trình độ:

+ Trình độ chuyên môn: Có từ 60% - 70% giảng viên có trình độ Thạc sỹ, trong đó phần đầu từ 10% - 15 % giảng viên đạt trình độ Tiến sỹ

+ Trình độ Lý luận chính trị: 100 % CBQL các đơn vị có trình độ Trung cấp LLCT trở lên, trong đó có 5 - 7 % Cao cấp; từ 30 - 50% giảng viên có trình độ Trung cấp LLCT trở lên.

+ Trình độ ngoại ngữ, tin học: 100 % cán bộ, giảng viên đạt trình độ B trở lên, trong đó: 3- 5 % cán bộ giảng dạy biết sử dụng tiếng Anh trong dạy học.

**\* Đến năm 2020:**

- Số lượng: 400 - 450 cán bộ, giảng viên.

- Trình độ:

+ Trình độ chuyên môn: Có từ 70% - 80% giảng viên có trình độ Thạc sỹ, trong đó phần đầu từ 15% - 20 % giảng viên đạt trình độ Tiến sỹ.

+ Trình độ Lý luận chính trị: Có 7- 10 % CBQL các đơn vị đạt trình độ Cao cấp; từ 50 - 70% giảng viên có trình độ Trung cấp LLCT trở lên.

+ Trình độ ngoại ngữ, tin học: 100 % cán bộ, giảng viên đạt trình độ B trở lên, trong đó: 5- 10 % cán bộ giảng dạy biết sử dụng tiếng Anh trong dạy học.

**2.2. Công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.**

**2.2.1. Công tác đào tạo.**

Đào tạo nguồn nhân lực, cán bộ quản lý, khoa học có trình độ đại học, cao đẳng và trung cấp, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của Ninh Bình và các vùng lân cận theo hướng mở rộng ngành nghề, phát triển qui mô đào tạo, hình thức đào tạo.

**a. Cơ cấu ngành nghề.**

Đến năm 2020, hoàn thiện cơ cấu ngành nghề theo 4 nhóm ngành đào tạo ở trình độ cao đẳng, đại học như :

- Nhóm ngành Sư phạm:

- Nhóm ngành Kinh tế, Văn hoá, Du lịch.

- Nhóm ngành Nông, Lâm, Thủy sản.

- Nhóm ngành Kỹ thuật-Công nghệ.



- Hoàn thiện nội dung, chương trình đào tạo, đồng thời tổ chức tốt các hoạt động đổi mới phương pháp dạy học trong nhà trường.

- Xây dựng cơ cấu ngành hợp lý, nội dung, chương trình đào tạo vừa đảm bảo tính quy chuẩn, vừa có tính cạnh tranh cao, phù hợp với yêu cầu và điều kiện của người học.

- Tăng cường hoạt động hợp tác trong đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi để từng bước hội nhập vào khối các trường đại học trong nước và khu vực.

- Tạo dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường với các doanh nghiệp, đảm bảo thông tin hai chiều nhằm kịp thời điều chỉnh các hoạt động đào tạo của nhà trường theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội

### **2.3. *Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:***

- Đổi mới tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, đồng thời đổi mới cách thức tổ chức, triển khai thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong nhà trường.

- Bám sát các chương trình trọng điểm của Nhà nước, của Tỉnh về nghiên cứu khoa học đã được Chính phủ phê duyệt, đăng ký các đề tài, dự án khoa học lớn theo hướng chuyên ngành và liên ngành, tập hợp được nhiều nhà khoa học và tập thể khoa học trong và ngoài trường để giải quyết các vấn đề trọng yếu, cấp thiết đặt ra trong đời sống kinh tế xã hội.

- Xây dựng và triển khai định hướng nghiên cứu KHCN cho phù hợp với từng lĩnh vực trong mỗi giai đoạn cụ thể. Xây dựng kế hoạch hợp tác quốc tế trong hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

- Gắn chặt các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với các chương trình, dự án, phát triển kinh tế xã hội của địa phương, góp phần thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước.

- Khai thác hiệu quả các nguồn kinh phí dành cho hoạt động KHCN như: nguồn vốn của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT, của UBND tỉnh Ninh Bình, các nguồn vốn viện trợ của các tổ chức trong và ngoài nước..., thông qua các hợp đồng NCKH và triển khai công nghệ, các dự án, các hoạt động hợp tác hỗ trợ trong NCKH với các tổ chức trong và ngoài nước.

- Đẩy mạnh hoạt động thông tin khoa học, xây dựng trung tâm tư liệu khoa học trên cơ sở nổi mạng máy tính, cập nhật đầy đủ các thông tin cần thiết cho các nhà khoa học, các cán bộ quản lý và lãnh đạo. Xuất bản Tạp chí Thông tin KH & CN của trường, tăng cường các mối quan hệ giao lưu, trao đổi chuyên gia, thông tin khoa học, tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế...



**3. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị trường học, tài chính; Huy động mọi nguồn lực để xây dựng nhà trường.**

**3.1. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị trường học.**

Tập trung huy động mọi nguồn lực để xây dựng và hoàn thiện Dự án xây dựng trường Đại học Hoa Lu đã được UBND tỉnh phê duyệt đúng tiến độ, đáp ứng kịp thời yêu cầu mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyên gia công nghệ phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đảm bảo sự ổn định, phát triển của nhà trường, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, viên chức, người lao động và người học. Cụ thể:

**a) Giai đoạn 2009-2010:**

- Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp các phòng học đã xuống cấp, phòng làm việc của các đơn vị trong trường, sân vận động, nhà khách, khu thực hành du lịch, nhà để xe máy.

- Tăng cường, bổ sung trang thiết bị và nâng cấp các phòng thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học; bổ sung máy vi tính cho phòng học Tin học.

- San lấp mặt bằng, xây dựng đường điện, nước, tường bao, nhà bảo vệ khu trường mới.

- Xây nhà điều hành, giảng đường, ký túc xá sinh viên tại trụ sở mới.

**b) Giai đoạn 2010-2015:**

Tiếp tục thực hiện dự án đầu tư xây dựng trường Đại học Hoa Lu đã được phê duyệt cho các hạng mục còn lại.

**c) Giai đoạn 2015-2020:**

Hoàn thiện toàn bộ dự án xây dựng trường và tiếp tục đầu tư hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nâng cao chất lượng dạy và học tất cả các loại hình và hệ đào tạo.

**3.2. Huy động mọi nguồn lực xây dựng nhà trường:**

- Tranh thủ sự chỉ đạo, giúp đỡ của Chính phủ, Bộ Giáo dục & Đào tạo, các cơ quan, ban ngành của Trung ương; Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự tạo điều kiện ủng hộ, giúp đỡ của các ban, ngành trong tỉnh để khai thác các nguồn vốn.

- Tăng cường nguồn lực tài chính từ tất cả các nguồn có thể khai thác được như: Ngân sách Nhà nước; Kinh phí từ các chương trình, dự án của Nhà nước và nước ngoài tài trợ; Học phí và nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ tư vấn khoa học kỹ thuật, chuyên gia công nghệ; Sự hỗ trợ của địa phương...

- Khai thác các nguồn lực từ các dịch vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, sự hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, các cá nhân trong tỉnh, trong nước



và nước ngoài. Kêu gọi đầu tư vào các cơ sở vật chất phục vụ cho sinh viên để đảm bảo nhu cầu thiết yếu phục vụ cho quá trình đào tạo và cải thiện đời sống cho cán bộ, giảng viên và nhân viên..

#### **4. Đổi mới và nâng cao chất lượng quản lý nhà trường.**

- Tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban giám hiệu trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của nhà trường, trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và học sinh, sinh viên thông qua các hoạt động tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các qui định của Ngành.

- Đổi mới phương pháp quản lý, chỉ đạo; cải tiến lề lối làm việc; Tăng cường kiểm tra đôn đốc, rút kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành; Rà soát các văn bản đã ban hành để bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn phát triển nhà trường; Duy trì nền nếp, kỷ cương trong trường học, không để các hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường; Thực hiện cải cách hành chính theo các quy định của Chính phủ và của UBND tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

- Cải tiến công tác thanh tra trường học. Tập trung kiểm tra công tác quản lý, chuyên môn, cơ sở vật chất, tài chính, thực hiện chế độ chính sách, pháp luật. Đẩy mạnh hoạt động của Ban thanh tra nhân dân.

- Đổi mới công tác đánh giá thi đua nhằm tạo động lực, khuyến khích các tập thể, cá nhân của trường tích cực lao động, sáng tạo trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao; Bổ sung văn bản hướng dẫn thi đua trong từng năm học.

- Tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường và các tổ chức đoàn thể trong các hoạt động của trường.

- Đảm bảo chế độ thông tin, báo cáo chính xác, kịp thời, đúng yêu cầu của các cấp quản lý.



# PHẦN THỨ BA KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

## 1. Kết luận

Định hướng xây dựng và phát triển trường Đại học Hoa Lư giai đoạn 2009-2020 được xây dựng dựa trên cơ sở thực tiễn và cơ sở khoa học, trên cơ sở Nghị quyết của Tỉnh ủy Ninh Bình về việc xây dựng trường Đại học Hoa Lư thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của tỉnh và các vùng lân cận.

Xây dựng và phát triển trường Đại học Hoa Lư thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ là một yêu cầu khách quan, cấp thiết và mang ý nghĩa chiến lược lâu dài, xuất phát từ thực tiễn và nguyện vọng của Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân Ninh Bình. Trường Đại học Hoa Lư trân trọng đề nghị Bộ Giáo dục & Đào tạo, Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt "*Định hướng xây dựng và phát triển trường Đại học Hoa Lư giai đoạn 2009-2020*" với những nội dung như đã nêu trên.

## 2. Đề nghị

### 2.1. Với Chính phủ và các Bộ, Ngành Trung ương:

- Ưu tiên quan tâm đầu tư cho trường Đại học Hoa Lư như đối với các trường Đại học ở vùng khó khăn, đặc biệt là đầu tư Dự án xây dựng nhà trường.

### 2.2. Bộ Giáo dục & Đào tạo:

- Quan tâm chỉ đạo các trường Đại học giúp đỡ trường Đại học Hoa Lư xây dựng đội ngũ (nhất là công tác đào tạo Tiến sĩ), chương trình, kế hoạch đào tạo và đầu tư trang thiết bị.

- Quan tâm đầu tư hỗ trợ kinh phí cho nhà trường.

### 2.3. Tỉnh ủy, UBND tỉnh Ninh Bình:

- Thường xuyên quan tâm chỉ đạo nhà trường thực hiện theo kế hoạch đã được Chính phủ và các Bộ, Ngành phê duyệt.


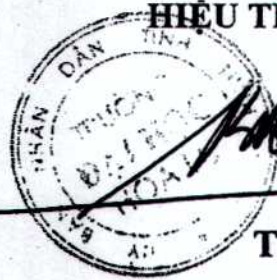


- Quan tâm đầu tư kinh phí để nhà trường sớm hoàn thành chương trình, kế hoạch xây dựng đội ngũ, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật; trước mắt là dự án xây dựng trường Đại học Hoa Lu theo kế hoạch đã duyệt./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Bộ Tài chính
- Tỉnh ủy, UBND tỉnh Ninh Bình
- Sở Tài chính, Sở Kế hoạch-Đầu tư,  
Sở Nội vụ, Sở Giáo dục-Đào tạo
- Lưu TC, VT

Đề b/c

**HIỆU TRƯỞNG**  
  


**TS. Bùi Thành Đông**

